TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN GIỒNG RIỀNG** **TỈNH KIÊN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 51/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 29-6-2020
"V/v Tranh chấp xin ly hôn và nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIỒNG RIỀNG, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thúy An
Các Hội thẩm nhân dân:
Ông Hà Bửu Khánh
Ông Võ Minh Tuấn

***- Thư ký phiên toà*:** Bà Nguyễn Thái TR - Là Thư ký Toà án nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Diễm Thúy - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 6 năm 2020, tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công Khi vụ án thụ lý số: 123/2020/TLST - HNGĐ, ngày 02 tháng 3 năm 2020 về việc tranh chấp xin ly hôn và nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 56/2020/QĐXXST-HNGĐ, ngày 02 tháng 6 năm 2020 giữa các đương sự:

-*Nguyên đơn:* Anh Danh Kh - sinh năm: 1985. Có mặt.
Địa chỉ: Ấp Hòa U, xã Định H, huyện G, tỉnh Kiên Giang.
-*Bị đơn:* Chị Thị K - Sinh năm: 1989. Vắng mặt.
Địa chỉ: Ấp Hòa A, xã Ngọc H, huyện G, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và tại phiên tòa, nguyên đơn – Anh Danh Kh trình bày:

Anh và chị K tự tìm hiểu nhau khoảng 04 tháng thì được gia đình tổ chức lễ cưới vào năm 2009, anh chị có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã Định Hòa, huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang. Sau khi cưới, anh chị chung sống hạnh phúc khoảng 06 tháng thì đã phát sinh mâu thuẫn do không phù hợp tính ý, vợ chồng thường cãi nhau, không có sự tin tưởng, tôn trọng lẫn nhau. Đến ngày 15/3/2015 thì phát sinh mâu thuẫn trầm trọng, vợ chồng đã ly thân cho đến nay, không còn quan tâm chăm sóc nhau, mâu thuẫn không thể hàn gắn được. Anh Kh yêu cầu ly hôn với chị K.

Về con chung: Có 01 con chung tên Danh Thị Thùy Tr - sinh ngày: 15/3/2010. Anh Kh đang nuôi dưỡng con. Anh yêu cầu được tiếp tục nuôi con, không yêu cầu chị K phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng và triệu tập chị K để chị trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của anh Kh tham gia tố tụng nhưng chị K không nộp bản tự khai, không đến Tòa án để tham gia giải quyết vụ kiện.

Tại bản tự khai, cháu TR có nguyện vọng tiếp tục chung sống với anh Kh.

Tại phiên tòa, kiểm sát viên phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án như sau:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật về tố tụng kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử tiến hành nghị án. Đối với những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Xét thấy mâu thuẫn giữa anh Kh và chị K đã đến mức trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Kh, về con chung đề nghị áp dụng Điều 81, Điều 82 của Luật Hôn nhân và gia đình xử giao TR cho anh Kh tiếp tục nuôi dưỡng, do anh Kh không yêu cầu chị K phải cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét giải quyết.

Về tài sản và nợ chung: Không có, đương sự không yêu cầu nên Tòa án không giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Kh khởi kiện xin ly hôn, nuôi con với chị K. Đây là tranh chấp về hôn nhân gia đình - xin ly hôn, nuôi con được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn có nơi cư trú tại xã Ngọc H, huyện G nên theo quy định tại khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự vụ kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang.

Trong quá trình giải quyết vụ án, chị K với tư cách là bị đơn, đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt tại phiên họp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cũng như vắng mặt tại phiên tòa. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt chị K.

[2] Về nội dung:

Xét quan hệ hôn nhân: Anh Danh Kh và chị Thị K cưới nhau vào năm 2009, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã Định H, huyện G chứng nhận kết hôn nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp. Anh Kh xác định cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, thường xuyên mâu thuẫn không phù hợp tính ý, không có sự tin tưởng, quan tâm chăm sóc nhau. Anh và chị K nhiều lần tự hòa giải nhưng không

đạt kết quả. Từ đó, vợ chồng không còn chung sống từ ngày 15/3/2015 cho đến nay.

Theo quy định tại Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình: "*Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình*.....". Nhưng anh chị đã vi phạm quyền và nghĩa vụ của vợ chồng, vợ chồng không sống chung trong một khoảng thời gian dài, không quan tâm, chăm sóc nhau dẫn đến tình trạng hôn nhân của anh chị ngày càng mâu thuẫn trầm trọng.

Tòa án đã tiến hành xác minh chính quyền địa phương nơi chị K cư trú. Đại diện chính quyền địa phương không nhận được tin báo hoặc yêu cầu giải quyết mâu thuẫn của vợ chồng chị K. Chị K vẫn còn thường xuyên về thăm và liên lạc với gia đình.

Quá trình giải quyết vụ án, chị K không trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của anh Kh, anh không đưa ra được biện pháp giải quyết mâu thuẫn vợ chồng. Anh Kh vẫn cương quyết ly hôn nên có đủ căn cứ để xác định mâu thuẫn vợ chồng anh chị đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, yêu cầu xin ly hôn của anh Kh là có căn cứ phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận cho anh Kh được ly hôn với chị K.

Về con chung: Căn cứ vào lời trình bày của anh Kh và Giấy khai sinh có cơ sở xác định trong quá trình chung sống anh Kh và chị K có 01 con chung tên Danh Thị Thùy TR - sinh ngày: 15/3/2010. Anh Kh yêu cầu được tiếp tục nuôi con, không yêu cầu chị K phải cấp dưỡng nuôi con.

Xét thấy cháu TR hiện do anh Kh trực tiếp nuôi dưỡng, cháu hiện trên 7 tuổi và có nguyện vọng tiếp tục chung sống cùng với anh Kh, cháu đang phát triển tốt về thể chất, tinh thần. Sau khi xem xét quyền lợi mọi mặt của con. Căn cứ khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình Hội đồng xét xử thống nhất xử giao cháu TR cho anh Kh tiếp tục nuôi dưỡng.

Do anh Kh không yêu cầu chị K cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Chị K được quyền đến thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở.

Trừ trường hợp có yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật.

Về tài sản và nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên Tòa án không giải quyết.

[3] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về án phí: Áp dụng khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí;

Án phí ly hôn sơ thẩm anh Kh phải nộp là 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí mà anh Kh đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu

tiền số 0008098 ngày 09/01/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56; khoản 2 Điều 81, Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình; Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho anh Danh Kh được ly hôn với chị K.

2. Về con chung: Giao cháu Danh Thị Thùy TR - sinh ngày: 15/3/2010 cho anh Kh tiếp tục nuôi dưỡng. Anh Kh không yêu cầu chị K phải cấp dưỡng nuôi con.

Chị K được quyền đến thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở.

Trừ trường hợp có yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật.

3. Về án phí: Án phí ly hôn sơ thẩm anh Kh phải nộp là 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí mà anh Kh đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0008098 ngày 09/01/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang.

Báo cho các đương sự biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn luật định là 15 ngày. Anh Kh được tính kể từ ngày tuyên án là ngày 29/6/2020. Chị K được tính kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND tỉnh;
- VKSND tỉnh, huyện
- Chi cục thi hành án.
- Đương sự;
- UBND xã
- Lưu HS.

Nguyễn Thúy An